

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18/8/2017

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Lại Hùng Hưng;

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Lê Đình Hưng ;

2. Ông Đinh Văn Lộc;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Quốc Thành - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa án ra xét xử số: 13/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Đỗ Thị Thu H; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- ***Bị đơn:*** Anh Đào Xuân T; Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt lần thứ hai liên tiếp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2017, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, chị Đỗ Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/12/2013. Cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, xích mích, cãi cọ nhau. Nguyên nhân là do tính tình hai bên không hợp nhau về cách sống, quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình thuyết phục, hòa giải nhưng không đạt kết quả. Theo chị H thì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Đào Sơn C, sinh ngày 21/01/2014 hiện đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tham gia tố tụng chị H cung cấp cho Tòa án 01 Giấy chứng nhận kết hôn và 01 Bản sao Giấy khai sinh của con.

Bị đơn anh Đào Xuân T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai và ý kiến của anh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn với anh Đào Xuân T. Giao cháu Đào Sơn C cho chị H nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Đỗ Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đào Xuân T tình và giải quyết nuôi con chung. Chị H là người có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Anh Đào Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Chị Đỗ Thị Thu H và anh Đào Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 13/12/2013. Hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp. Chị H cho rằng, mâu thuẫn của chị và anh T đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt. Điều đó cho thấy rằng, anh T không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H. Do đó, cần thiết căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[4] Chị H và anh T có 01 con chung tên: Đào Sơn C, sinh ngày 21/01/2014. Chị H có nguyện vọng được nuôi cháu C. Xét thấy rằng, hiện cháu C còn nhỏ, đang sống cùng chị H. Anh T bỏ mặc, không quan tâm đến cháu C. Do đó, cần tuyên xử giao cháu C cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Vì chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu C nên không buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu C.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc chị H chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, 146, 147, 266, 269, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Đào Xuân T.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Sơn C, sinh ngày 21/01/2014 cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H và anh T đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Buộc chị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006574 ngày 08/02/2017 và biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006575 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Vì đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;
- UBND TT.C
- THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hùng Hưng